

Họ, tên thí sinh:

Mã đề thi 319

Số báo danh:

- Câu 41:** Do nằm trong khu vực chịu ảnh hưởng của gió mùa châu Á nên nước ta có
A. nền nhiệt độ cả nước cao. B. tổng bức xạ trong năm lớn.
C. khí hậu tạo thành hai mùa rõ rệt. D. hai lần Mặt Trời qua thiên đỉnh.
- Câu 42:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây giáp Campuchia?
A. Bình Thuận. B. Ninh Thuận. C. Lâm Đồng. D. Bình Phước.
- Câu 43:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 8, cho biết sắt có ở nơi nào sau đây?
A. Quỳ Châu. B. Phú Vàng. C. Thạch Khê. D. Lệ Thủy.
- Câu 44:** Kiểu khí hậu nào sau đây phổ biến ở miền Tây Trung Quốc?
A. Nhiệt đới gió mùa. B. Ôn đới hải dương. C. Ôn đới gió mùa. D. Ôn đới lục địa.
- Câu 45:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết Khu kinh tế ven biển Năm Căn thuộc tỉnh nào sau đây?
A. Bến Tre. B. Cà Mau. C. Trà Vinh. D. Sóc Trăng.
- Câu 46:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết sân bay Buôn Ma Thuật thuộc tỉnh nào sau đây?
A. Lâm Đồng. B. Gia Lai. C. Kon Tum. D. Đắk Lắk.
- Câu 47:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 14, cho biết đỉnh núi nào sau đây cao hơn cả?
A. Kon Ka Kinh. B. Ngọc Linh. C. Ngọc Kringh. D. Vọng Phu.
- Câu 48:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết đường số 7 chạy qua tỉnh nào sau đây?
A. Quảng Bình. B. Thanh Hóa. C. Nghệ An. D. Quảng Trị.
- Câu 49:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, cho biết nơi nào sau đây có khu dự trữ sinh quyển thế giới?
A. Núi Chúa. B. Cần Giờ. C. Tràm Chim. D. Yok Đôn.
- Câu 50:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng về tự nhiên của Đông Nam Á lục địa?
A. Nhiều đồng bằng châu thổ. B. Có rất nhiều núi lửa và đảo.
C. Địa hình bị chia cắt mạnh. D. Nhiều nơi núi lan ra sát biển.
- Câu 51:** Phát biểu nào sau đây đúng với dân cư ở vùng đồng bằng nước ta?
A. Chiếm phần lớn số dân cả nước. B. Có rất nhiều dân tộc ít người.
C. Mật độ dân số nhỏ hơn miền núi. D. Tỉ suất sinh cao hơn miền núi.
- Câu 52:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 30, cho biết nhà máy thủy điện Thác Mơ thuộc tỉnh nào sau đây?
A. Bình Phước. B. Tây Ninh. C. Đồng Nai. D. Bình Dương.
- Câu 53:** Yếu tố nào sau đây **không** phải là lợi thế để phát triển giao thông đường biển nước ta?
A. Nằm gần các tuyến hàng hải quốc tế. B. Đường bờ biển dài, nhiều vũng, vịnh.
C. Các dòng biển hoạt động theo mùa. D. Có nhiều đảo, quần đảo ở ven bờ.
- Câu 54:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 20, cho biết phát biểu nào sau đây **không** đúng khi so sánh sản lượng thủy sản của một số tỉnh?
A. Nuôi trồng của Nam Định lớn hơn Hà Tĩnh. B. Khai thác của Thanh Hóa lớn hơn Bình Định.
C. Nuôi trồng của An Giang lớn hơn Ninh Thuận. D. Khai thác của Khánh Hòa lớn hơn Quảng Ninh.
- Câu 55:** Cơ cấu sản phẩm công nghiệp của nước ta ngày càng đa dạng chủ yếu là để
A. phù hợp hơn với yêu cầu của thị trường. B. sử dụng có hiệu quả hơn nguồn lao động.
C. tận dụng tối đa nguồn vốn từ nước ngoài. D. khai thác tốt hơn thế mạnh về khoáng sản.

Câu 56: Cho bảng số liệu:

XUẤT, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ CỦA MA-LAI-XI-A, GIAI ĐOẠN 2010 - 2015

(Đơn vị: Tỷ đô la Mỹ)

Năm	2010	2012	2014	2015
Xuất khẩu	221,7	249,4	249,5	210,1
Nhập khẩu	181,1	215,5	218,1	187,4

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng về cán cân xuất, nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của Ma-lai-xi-a, giai đoạn 2010 - 2015?

- A. Giá trị xuất siêu năm 2012 nhỏ hơn năm 2015. B. Từ năm 2010 đến năm 2015 đều nhập siêu.
C. Giá trị xuất siêu năm 2014 lớn hơn năm 2010. D. Từ năm 2010 đến năm 2015 đều xuất siêu.

Câu 57: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết nhận xét nào sau đây đúng về chế độ nhiệt của Hà Nội so với Cần Thơ?

- A. Nhiệt độ trung bình tháng I thấp hơn. B. Nhiệt độ trung bình năm cao hơn.
C. Nhiệt độ trung bình tháng VII thấp hơn. D. Biên độ nhiệt độ trung bình năm nhỏ hơn.

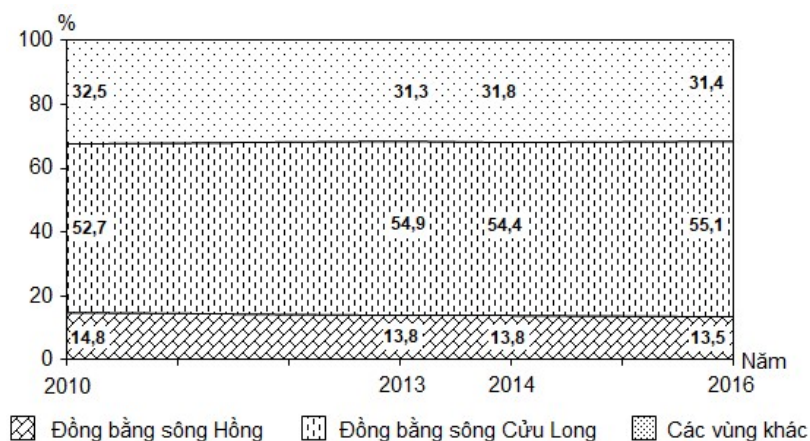
Câu 58: Thành tựu lớn nhất của ASEAN đạt được là

- A. đời sống nhân dân ngày càng được cải thiện. B. cơ sở hạ tầng ngày càng được hiện đại hóa.
C. tốc độ tăng trưởng kinh tế các nước khá cao. D. hầu hết các nước trong khu vực là thành viên.

Câu 59: Loại gió nào sau đây gây mưa lớn cho Nam Bộ nước ta vào giữa và cuối mùa hạ?

- A. Gió phơn Tây Nam. B. Gió mùa Đông Bắc.
C. Tín phong bán cầu Bắc. D. Gió mùa Tây Nam.

Câu 60: Cho biểu đồ:



CƠ CẤU DIỆN TÍCH LÚA PHÂN THEO VÙNG CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 - 2016

(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi tỉ trọng trong cơ cấu diện tích lúa phân theo vùng của nước ta, giai đoạn 2010 - 2016?

- A. Đồng bằng sông Cửu Long giảm, các vùng khác tăng.
B. Đồng bằng sông Hồng tăng, Đồng bằng sông Cửu Long giảm.
C. Đồng bằng sông Hồng giảm, các vùng khác tăng.
D. Đồng bằng sông Cửu Long tăng, Đồng bằng sông Hồng giảm.

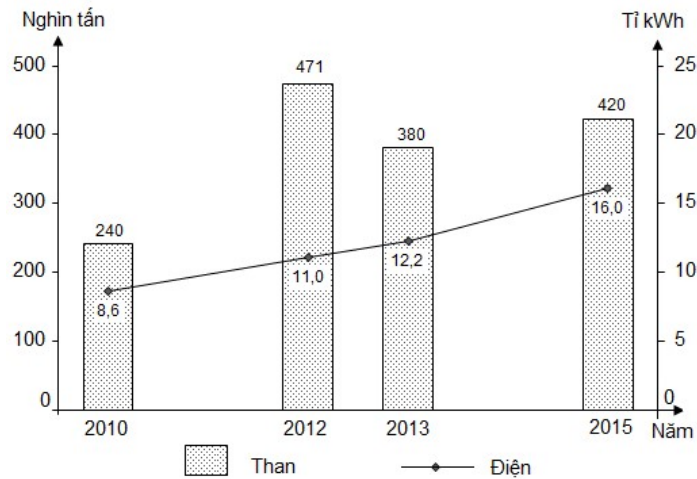
Câu 61: Ngành công nghiệp điện tử trở thành thế mạnh của nhiều nước Đông Nam Á hiện nay chủ yếu là do

- A. nâng cao trình độ kĩ thuật cho người lao động. B. tiến hành hiện đại hóa cơ sở vật chất kĩ thuật.
C. liên doanh với các hãng nổi tiếng nước ngoài. D. mở rộng thị trường tiêu thụ trong, ngoài nước.

Câu 62: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết nhận xét nào sau đây đúng về giao thông nước ta?

- A. Đường biển dài nhất là Hải Phòng - Đà Nẵng. B. Mạng lưới đường ô tô phủ rộng khắp cả nước.
C. Tuyến đường số 19 nối Pleiku với Tuy Hòa. D. Tuyến đường số 9 nối Đông Hà với Đà Nẵng.

Câu 63: Cho biểu đồ về than và điện của Mi-an-ma, giai đoạn 2010 - 2015:



(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Sản lượng than, tốc độ tăng trưởng sản lượng điện của Mi-an-ma, giai đoạn 2010 - 2015.
- B. Sản lượng than và sản lượng điện của Mi-an-ma, giai đoạn 2010 - 2015.
- C. Quy mô và cơ cấu sản lượng than, điện của Mi-an-ma, giai đoạn 2010 - 2015.
- D. Tốc độ tăng trưởng sản lượng than, điện của Mi-an-ma, giai đoạn 2010 - 2015.

Câu 64: Các vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc, miền Trung, phía Nam của nước ta đều có sự giống nhau về

- A. nền kinh tế hàng hóa phát triển rất sớm.
- B. cơ sở vật chất kỹ thuật rất tốt và đồng bộ.
- C. các thế mạnh phát triển được hội tụ đầy đủ.
- D. lịch sử khai thác lãnh thổ từ lâu đời.

Câu 65: Giải pháp nào sau đây có tác động chủ yếu đến việc phát triển khai thác dầu khí ở nước ta?

- A. Tăng cường liên doanh với nước ngoài.
- B. Đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu dầu thô.
- C. Phát triển mạnh công nghiệp lọc hóa dầu.
- D. Nâng cao trình độ của nguồn lao động.

Câu 66: Giải pháp nào sau đây là chủ yếu để giải quyết tình trạng thiếu việc làm hiện nay ở Đồng bằng sông Hồng?

- A. Đa dạng hóa các hoạt động sản xuất.
- B. Phân bố lại dân cư và nguồn lao động.
- C. Tập trung phát triển nông nghiệp hàng hóa.
- D. Đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu lao động.

Câu 67: Yếu tố nào sau đây có tác động chủ yếu đến sự phát triển giao thông vận tải biển Nhật Bản?

- A. Nhiều vũng, vịnh sâu thuận lợi xây dựng cảng.
- B. Nhu cầu du lịch nước ngoài của dân tăng cao.
- C. Đất nước quần đảo có vùng biển rộng bao bọc.
- D. Nhu cầu xuất và nhập khẩu hàng hóa gia tăng.

Câu 68: Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng của Trung Quốc phát triển dựa vào những điều kiện thuận lợi chủ yếu nào sau đây?

- A. Cơ sở vật chất kỹ thuật tốt và lao động có kinh nghiệm.
- B. Nguồn lao động dồi dào và thị trường tiêu thụ rộng lớn.
- C. Nguồn vốn đầu tư nhiều và cơ sở vật chất kỹ thuật tốt.
- D. Thị trường tiêu thụ rộng lớn và nguồn vốn đầu tư nhiều.

Câu 69: Nhân tố nào sau đây là quan trọng nhất giúp Đông Nam Bộ sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên trong phát triển kinh tế?

- A. Kinh tế hàng hóa sớm phát triển.
- B. Nguồn lao động lành nghề đông.
- C. Chính sách phát triển phù hợp.
- D. Cơ sở vật chất kỹ thuật đồng bộ.

Câu 70: Giải pháp nào sau đây là quan trọng nhất để nâng cao giá trị sản xuất của cây công nghiệp ở Tây Nguyên?

- A. Đẩy mạnh chế biến sản phẩm.
- B. Quy hoạch các vùng chuyên canh.
- C. Đa dạng hóa cơ cấu cây trồng.
- D. Mở rộng thêm diện tích trồng trọt.

Câu 71: Ý nghĩa chủ yếu của kinh tế trang trại đối với nông nghiệp nước ta là

- A. sử dụng hợp lý tài nguyên vào phát triển sản xuất.
- B. từng bước đưa nông nghiệp lên sản xuất hàng hóa.
- C. thúc đẩy nhanh sự chuyên dịch cơ cấu nông nghiệp.
- D. góp phần vào việc đa dạng hóa cây trồng, vật nuôi.

Câu 72: Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG LÚA CỦA NƯỚC TA, NĂM 2005 VÀ NĂM 2016

(Đơn vị: Nghìn tấn)

Năm	Tổng số	Lúa đông xuân	Lúa hè thu và thu đông	Lúa mùa
2005	35832,9	17331,6	10436,2	8065,1
2016	43609,5	19404,4	15010,1	9195,0

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)

Theo bảng số liệu, để thể hiện quy mô sản lượng lúa và cơ cấu của nó phân theo mùa vụ năm 2005 và năm 2016, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Cột. B. Kết hợp. C. Tròn. D. Miền.

Câu 73: Cơ cấu ngành của công nghiệp nước ta có sự chuyển dịch rõ rệt nhằm mục tiêu chủ yếu nào sau đây?

- A. Khai thác hợp lí các nguồn tài nguyên thiên nhiên.
B. Tạo thuận lợi cho việc chuyển dịch cơ cấu lao động.
C. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường.
D. Tạo điều kiện để hội nhập vào thị trường thế giới.

Câu 74: Ý nghĩa quan trọng nhất trong việc phát triển các tuyến giao thông theo hướng Đông - Tây ở Bắc Trung Bộ là

- A. thúc đẩy phân bố lại dân cư, lao động. B. làm tăng nhanh khối lượng vận chuyển.
C. tăng cường giao thương với các nước. D. hình thành một mạng lưới đô thị mới.

Câu 75: Ý nghĩa chủ yếu của việc đẩy mạnh sản xuất cây công nghiệp ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. giải quyết việc làm cho người lao động thuộc các dân tộc ít người.
B. tạo ra tập quán sản xuất mới cho người lao động ở địa phương.
C. cung cấp nguồn nguyên liệu cho công nghiệp chế biến nông sản.
D. cho phép phát triển một nền nông nghiệp hàng hóa hiệu quả cao.

Câu 76: Yếu tố nào sau đây là chủ yếu làm cho kim ngạch nhập khẩu của nước ta tăng nhanh trong những năm gần đây?

- A. Đời sống dân cư nâng cao hướng vào dùng hàng nhập ngoại.
B. Việc hợp tác kinh tế, kĩ thuật với các nước được tăng cường.
C. Nhiều thành phần kinh tế tham gia hoạt động ngoại thương.
D. Quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa được đẩy mạnh.

Câu 77: Khó khăn lớn nhất trong việc khai thác thủy sản ven bờ ở nước ta hiện nay là

- A. nguồn lợi sinh vật giảm sút nghiêm trọng. B. nước biển dâng, bờ biển nhiều nơi bị sạt lở.
C. vùng biển ở một số địa phương bị ô nhiễm. D. có nhiều cơn bão xuất hiện trên Biển Đông.

Câu 78: Yếu tố nào sau đây là chủ yếu làm cho hiệu quả chăn nuôi nước ta **chưa** ổn định?

- A. Dịch bệnh hại vật nuôi vẫn đe dọa trên diện rộng.
B. Việc sử dụng giống năng suất cao chưa phổ biến.
C. Lao động có trình độ kĩ thuật cao còn chưa nhiều.
D. Cơ sở chuồng trại ở nhiều nơi có quy mô còn nhỏ.

Câu 79: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển sản xuất thủy sản ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. tạo ra nhiều sản phẩm hàng hóa và giải quyết việc làm.
B. góp phần phát triển công nghiệp và phân hóa lãnh thổ.
C. tạo ra các nghề mới và làm thay đổi bộ mặt nông thôn.
D. thu hút các nguồn đầu tư và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Câu 80: Đồng bằng sông Cửu Long bị xâm nhập mặn nặng trong mùa khô là do

- A. có nhiều vùng trũng rộng lớn, ba mặt giáp biển, địa hình đa dạng.
B. địa hình thấp, ba mặt giáp biển, sông ngòi, kênh rạch chằng chịt.
C. nhiều cửa sông, ba mặt giáp biển, có nhiều vùng trũng rộng lớn.
D. sông ngòi, kênh rạch chằng chịt, ba mặt giáp biển, nhiều cửa sông.

----- HẾT -----

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.
- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.